

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 932/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trịnh Ngọc M, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Làng L, xã Q, huyện Đ, tỉnh H; tạm trú: 52/2 tổ 6, khu phố B, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã H1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trịnh Ngọc M và bà Trần Thị Thanh P tự nguyện tìm hiểu nhau, đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh H vào ngày 21/11/2012, số 72. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông M và bà P sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Hiện mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Trịnh Ngọc M và bà Trần Thị Thanh P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trịnh Ngọc M và bà Trần Thị Thanh P xác định trong thời gian chung sống có 03 người con chung tên Trịnh Ngọc Nhật H, sinh ngày 16/01/2013, Trịnh Ngọc Đăng K, sinh ngày 24/02/2018 và Trịnh Ngọc

Phuong N, sinh ngày 15/6/2016. Sau khi ly hôn, bà Phuong là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung.

Về cấp dưỡng: Ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trịnh Ngọc M và bà Trần Thị Thanh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Trịnh Ngọc M và bà Trần Thị Thanh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn và thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Ngọc M và bà Trần Thị Thanh P.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Trần Thị Thanh P trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 03 người con chung tên Trịnh Ngọc Nhật H, sinh ngày 16/01/2013, Trịnh Ngọc Phương N, sinh ngày 15/6/2016 và Trịnh Ngọc Đăng K, sinh ngày 24/02/2018.

- Về cấp dưỡng: Ông Trịnh Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Trịnh Ngọc M và bà Trần Thị Thanh P tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0047143 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh H (GCN kết hôn số 72, ngày 21/11/2012, số 72);
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Hồ Thanh Thủy